

Số: 117/2019/HSST
Ngày: 29 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH BP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP tham gia phiên toà: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh BP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/HSST-QĐ ngày 15/11/2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU T, sinh năm 1999 tại BT; HKTT: Xóm 5, thôn 3, xã Gia Huynh, huyện TL, tỉnh BT; chỗ ở hiện nay: Không cố định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 27/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận BT, TP H xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 63/2018/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 06/2017/HSST, ngày 17/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 14/2017/HSST; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 16/7/2019 cho

đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Đinh Văn H1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Nhà trọ Anh Vũ, ấp 01, xã Thành Tâm, huyện CT, tỉnh BP. “Có mặt”

Người làm chứng: Anh **Lê Văn T1**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 04, ấp 01, xã Thành Tâm, huyện CT, tỉnh BP. “Có mặt”

Anh **Phạm Kim Đ**, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp 02, xã Thành Tâm, huyện CT, tỉnh BP. “Có mặt”

Anh **Đinh Văn H2**, sinh năm 1976; ấp 01, xã Thành Tâm, huyện CT, tỉnh BP. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T là người có 01 tiền án về hành vi chiếm đoạt T sản, không có nơi ở cố định. Khoảng tháng 6 năm 2019, T đến xã Thành Tâm, huyện CT tìm việc làm. Do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16 tháng 7 năm 2019, T đi ngang qua phòng trọ “Anh Vũ” thuộc ấp 1, xã Thành Tâm, huyện CT thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đỏ đen, biển số 39P1-487.89 của anh Đinh Văn H1, đang để trong phòng trọ, chìa khóa cắm trên ổ khóa, còn anh H1 nằm ngủ. Lợi dụng sơ hở của anh H1 trong quản lý T sản, T lén lút lấy trộm xe mô tô trên rồi điều khiển đi bán lấy tiền tiêu xài. Trên đường đi tiêu thụ T sản, T tháo biển số 39P1-487.89 cất giấu vào cốp xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên đến bán cho tiệm sửa xe “Đ” do anh Phạm Kim Đ, tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện CT làm chủ để bán nhưng anh Đ không mua. Lúc này anh Đ giới thiệu anh Lê Văn T1 là chủ tiệm cầm đồ để mua xe. Tuy nhiên, anh T1 phát hiện xe không có biển số, nghi ngờ là xe do trộm cắp mà có nên báo công an bắt giữ. (BL 84-85; 66-67)

Tại kết luận định giá tài sản số 48 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện CT kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 38P1-487.89 có giá trị sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 104/CTr-VKS ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP giữ quyền công tố trình bày quan điểm: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Tình tiết tăng nặng: T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nguyễn Hữu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa: Bị hại Đinh Văn H1 đã được nhận lại tài sản hợp pháp của mình và không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, tỉnh BP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16/7/2019, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản là anh Đinh Văn H1, Nguyễn Hữu T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh H1 là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đỏ đen, biển số 39P1-487.89 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng. Cáo trạng số 104/CTr-VKS ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Ta về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài một cách bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặt khác, bản thân bị cáo T đã nhiều lần bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo, xem thường quyền sở hữu của người khác, xem thường pháp luật. Do đó, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, đủ thời gian để bị cáo cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 27/4/2018 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 63/2018/HSST, do đó lần phạm tội này của bị

cáo là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Do bị cáo Nguyễn Hữu T không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại Đinh Văn H1 đã được nhận lại tài sản hợp pháp của mình và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh BP về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện CT, tỉnh BP xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT;
- CA huyện CT;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn